

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 7 năm 2024
“V/v *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Phụng, ông Phùng Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Kim Th** - Sinh năm 1989

Địa chỉ: khu 7, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân H** - sinh năm 1986.

Địa chỉ: khu 7, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Kim Th trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 12/11/2010 tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ, khi đó hai vợ chồng đều làm công nhân tại xã TV, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình anh H một thời gian rồi xây nhà ra ở riêng, tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không có hạnh phúc. Hiện nay hai vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của chị là xin được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Xuân H có 03 con chung là: Nguyễn Ly N, sinh ngày 30/9/2011; Nguyễn Yến Nh, sinh ngày 02/5/2014 và Nguyễn Đan N1, sinh ngày 05/10/2020. Hiện các con chung đều đang ở cùng vợ chồng chị tại xã S, huyện T, nay ly hôn chị xin nhận nuôi cháu Nguyễn Đan N1, còn để anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ly N và Nguyễn Yến Nh, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Xuân H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh H có đến Tòa án một lần nhưng không viết bản tự khai, không hợp tác làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

* Xác minh tại địa phương nơi chị Phạm Thị Kim Th và anh Nguyễn Xuân H chung sống, chính quyền địa phương xã S, huyện T cung cấp: Anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị Kim Th có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2010 tại UBND xã S, quá trình chung sống chị Th, anh H phát sinh mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Anh H và chị Th có 03 con chung, hiện các con chung đều đang ở cùng anh chị tại địa phương. Nay chị Th yêu cầu ly hôn và giải quyết về nuôi con chung, đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của con chung để giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích của công dân. Anh H hiện đang đi làm công ty, giờ giấc làm việc thất thường, lúc ở nhà lúc không nên việc giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H gặp nhiều khó khăn. Gia đình anh H chỉ có bố đẻ là người thân nhưng bố anh H đang bị ốm, ông từ chối nhận thay các văn bản của Tòa án gửi về cho anh H, đề nghị Tòa án làm thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Xử cho chị Phạm Thị Kim Th và anh Nguyễn Xuân H được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đan N1, sinh ngày 05/10/2020 cho chị Phạm Thị Kim Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Ly N, sinh ngày 30/9/2011 và Nguyễn Yến Nh, sinh ngày 02/5/2014 cho anh Nguyễn Xuân H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Do chị Phạm Thị Kim Th không yêu cầu nên không giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này chị Th hoặc anh Nguyễn Xuân H có yêu cầu, sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Kim Th phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Chị Phạm Thị Kim Th có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Xuân H. Chị Th và anh H đều cư trú tại xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn là chị Phạm Thị Kim Th có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Xuân H đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th, anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim Th và anh Nguyễn Xuân H kết hôn với nhau tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Th trình bày và kết quả xác minh, làm việc với địa phương nơi chị Th, anh H cư trú thì nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải

quyết vụ án, anh H có mặt khi Toà án hỏi nguyện vọng của con, ký tên vào bản tự khai của các con, nhưng không hợp tác làm việc bất cứ thủ tục tố tụng nào khác, cũng không cung cấp lời khai để thể hiện quan điểm, ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị Th. Điều đó chứng tỏ anh H không mong muốn hoà giải, không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Thực tế hiện nay anh H và chị Th tuy ở cùng một nhà, nhưng không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh H đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Th là chính đáng, phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Th và anh H có 03 con chung là: Nguyễn Ly N, sinh ngày 30/9/2011; Nguyễn Yến Nh, sinh ngày 02/5/2014 và Nguyễn Đan N1, sinh ngày 05/10/2020. Nay ly hôn, chị Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đan N1, còn để anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ly N và Nguyễn Yến Nh, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của chị Th là hợp tình, hợp lý, vì cháu Đan N1 còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ; hai cháu Ly N và Yến Nh là con trên 7 tuổi, có nguyện vọng được ở với bố, anh H biết và không phản đối. Chị Th không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh H có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Chị Phạm Thị Kim Th không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và trình bày vợ chồng không có nợ chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh Nguyễn Xuân H chứng minh vợ chồng có tài sản chung, vay nợ chung và yêu cầu phân chia, sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Phạm Thị Kim Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Nhận định trên cũng phù hợp với quan điểm đề nghị mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Phạm Thị Kim Th được ly hôn anh Nguyễn Xuân H.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Kim Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đan N1, sinh ngày 05/10/2020; giao cho anh Nguyễn Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu: Nguyễn Ly N, sinh ngày 30/9/2011 và Nguyễn Yến Nh, sinh ngày 02/5/2014; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Do chị Phạm Thị Kim Th không yêu cầu nên không giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này chị Th hoặc anh Nguyễn Xuân H có yêu cầu, sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Kim Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0001891, ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Minh Hòa